

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2020/HS-PT
Ngày: 18-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Trương Phước Tự
Ông Nguyễn Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 237/2020/TLPT-HS ngày 19 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Trần Văn T và các đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T, Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2020/HS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn T (B), sinh năm 1977, tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn G, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1933 (chết); có vợ tên Ngô Ngọc Y, sinh năm 1985; có 02 con, sinh năm 2008 và sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2019 đến ngày 15/5/2020, có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Ngọc Y, sinh năm 1985, tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Ngô Văn Bé B, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952; Chồng tên Trần Văn T, sinh năm 1977; có 02 con, sinh năm 2008 và sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2019 đến ngày 15/5/2020, có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Thị Trúc P, sinh năm 1988, tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình

độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trương Thanh H, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; có chồng tên Thái Kim Đ, sinh năm 1985; có 01 con, sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2019 đến ngày 15/5/2020, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1969, tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: ấp Long H, xã Long T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1915 (chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1934 (chết); có chồng tên Hồ Văn C, sinh năm 1969; có 02 con, sinh năm 1992 và sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2019 đến ngày 15/5/2020, có mặt tại phiên tòa.

Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 03/10/2019, Công an huyện Hồng Ngự phối hợp với Công an xã Long T tiến hành bắt quả tang Trần Văn T, Ngô Ngọc Y đang thực hiện hành vi giao nhận, ghi các con số lô, số đề tại nhà thuộc ấp Long H, xã Long T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Thu giữ tại hiện trường khi bắt quả tang gồm:

- 01 tờ phơi ghi số đề trên ấn phẩm số đề có màu đỏ.
- 01 tờ giấy kẻ ngang được chia, kẻ có ghi các con số lô, số đề có tên: Sen, Bình, Quý, Lộc.
- 01 quyển tập học sinh có ghi số lô, số đề, trong đó có 02 trang liền kề ghi số lô, số đề đề tên: Thuý, Ngọc.
- 01 tờ giấy tập học sinh có ghi chữ “MN” ở giữa, phía dưới có ghi TÀI-A-19-1000, Y-A-19-700, Nhung-A-19-2300.
- 01 tờ giấy kẻ ngang ghi số lô, số đề có tên “Vợ A Le”.
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu trắng xanh.
- 01 điện thoại di động hiệu Intel màu xanh.
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 màu xanh, tất cả dùng để nhận, giao số lô, số đề.
- 02 cây viết mực.
- Tiền trên người T 380.000 đồng, trên người Y 2.900.000 đồng. Trong đó có 1.170.000 đồng liên quan đến đánh bạc, còn lại 2.110.000 đồng không liên quan đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho T, Y.

Bản Kết luận giám định số: 943/KL-KTHS ngày 21/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận:

1. Chữ viết, chữ số trên 02 (hai) tài liệu cần giám định ký hiệu A₁, A₂ so với chữ viết, chữ số của Trần Văn T trên 11 (mười một) tài liệu mẫu ký hiệu từ M₁ đến M₁₁ do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết, chữ số trên 03 (ba) tài liệu cần giám định ký hiệu từ A₃ đến A₅ so

với chữ viết, chữ số của Ngô Ngọc Y trên 15 (mười lăm) tài liệu mẫu ký hiệu từ M₁₂ đến M₂₆ do cùng một người viết ra.

Trong quá trình điều tra thể hiện như sau:

Trần Văn T khai do không có nghề nghiệp ổn định, nảy sinh ý định nhận phôi số lô, số đề của các người bán giao, bán trực tiếp khi có người mua, giao lại cho các thầu khác để hưởng hoa hồng, chủ động bàn bạc với vợ Ngô Ngọc Y, Y đồng ý. Cụ thể, T, Y nhận phôi qua tin nhắn điện thoại hoặc ai mua số lô, số đề trực tiếp thì bán, Y chia phôi ra sau đó dùng điện thoại chụp lại gửi tin nhắn cho thầu khác để hưởng hoa hồng, thực hiện khoảng một tháng thì bị bắt, thu lợi mỗi ngày khoảng 250.000 đồng.

Ngày bị bắt quả tang, T đánh bạc bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại với Dương T Tài số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Thị P1 số tiền 3.864.000 đồng, Hồ Văn L số tiền 2.375.000 đồng, Thiêm Tám (không rõ họ chữ lót và địa chỉ cụ thể) số tiền 7.975.000 đồng. Y bán số lô, số đề trực tiếp cho Trần Thị L1 (N) số tiền 508.750 đồng, qua tin nhắn điện thoại với Trương Thị Trúc P số tiền 8.400.000 đồng, Nguyễn Thanh T1 số tiền 5.071.250 đồng, nhắn tin điện thoại giao phôi lại cho Nguyễn Thị S số tiền 8.986.000 đồng, Lê Thị Bảo N số tiền 2.300.000 đồng.

Trương Thị Trúc P khai tham gia đánh bạc mua số đề qua tin nhắn điện thoại với Ngô Ngọc Y số tiền 8.400.000 đồng.

Nguyễn Thanh T1 khai tham gia đánh bạc giao phôi số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại với Ngô Ngọc Y số tiền 5.071.250 đồng.

Trần Văn T, Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P, Nguyễn Thanh T1 khai khi có kết quả xổ số mới xác định số tiền thắng thua, ngày hôm sau chung chi.

Trương Thị Trúc P nộp lại số tiền đánh bạc 8.400.000 đồng, Nguyễn Thanh T1 nộp lại số tiền đánh bạc 5.071.250 đồng.

Các đối tượng tham gia đánh bạc với Trần Văn T, Ngô Ngọc Y nộp lại số tiền tham gia đánh bạc: Dương Tấn T2 nộp 1.000.000 đồng, Nguyễn Thị P1 nộp 3.864.000 đồng, Hồ Văn L nộp 2.375.000 đồng, Lê Thị Bảo N nộp 2.300.000 đồng, Trần Thị L1 (N) nộp 38.750 đồng.

Tại bản án số 19/2020/HS-ST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T (B), Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1 cùng phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Ngô Ngọc Y 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Trúc P 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, các bị cáo Trần Văn T, Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Từ ngày 02 đến ngày 14 tháng 7 năm 2020, các bị cáo Trần Văn T, Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1 có đơn kháng cáo bổ sung xin được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của các bị cáo Trần Văn T, Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1 đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trần Văn T, Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, xin được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo. Xét thấy, tuy vợ chồng bị cáo T, Y có vai trò chính trong vụ án nhưng hiện nay cả hai đang nuôi cha 87 tuổi và 02 con nhỏ đang tuổi đi học, nếu cả hai chịu hình phạt tù sẽ khó khăn cho gia đình bị cáo mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo. Hơn nữa, giai đoạn phúc thẩm cả hai bị cáo đã tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính; họ hàng của bị cáo T là những người có công với cách mạng được Nhà nước công nhận liệt sĩ, tặng thưởng nhiều huân huy chương kháng chiến. Đây là các tình tiết phát sinh tại cấp phúc thẩm nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và cho bị cáo Y được hưởng án treo.

Bị cáo Trúc P và Thanh T1 vai trò thứ yếu trong vụ án. Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Trúc P cung cấp giấy chứng nhận ông, bà nội có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân huy chương kháng chiến. Bị cáo Thanh T1 cung cấp bệnh án của mẹ chồng đang sống chung, do bị cáo chăm sóc hiện bị bệnh thoái hóa cột sống, đau lưng cấp, không đi lại được, các con của bị cáo đã trưởng thành đi làm ăn xa nên cũng cần xem xét cho hai bị cáo. Do đó, căn cứ điểm c, đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo Trần Văn T từ 01 - 03 tháng tù; giữ nguyên hình phạt tù đối với các bị cáo Ngọc Y, Trúc P và Thanh T1 như cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho các bị cáo hưởng án treo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Văn T, Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập ngày 03/10/2019, phù hợp với Kết luận giám định số: 943/KL-KTHS ngày 21/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Khoảng 16 giờ ngày 03/10/2019, Công an huyện Hồng Ngự phối hợp với Công an xã Long Thuận bắt quả tang T và Y đang thực hiện hành vi bán, giao nhận, ghi các con số lô, số đề tại nhà thuộc ấp Long H, xã Long T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể ngày bị bắt quả tang đánh bạc bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại với T2 số tiền 1.000.000 đồng, P1 số tiền 3.864.000 đồng, L số tiền 2.375.000 đồng; bán số lô, số đề trực tiếp cho L1 (Ngọc) số tiền 508.750 đồng; qua tin nhắn điện thoại với P số tiền 8.400.000 đồng; T1 số tiền 5.071.250 đồng; giao phôi số lô, số đề với N số tiền 2.300.000 đồng. Bị cáo P khai khoảng 15 giờ 30 phút tham gia đánh bạc mua số đề qua tin nhắn điện thoại với bị cáo Y số tiền 8.400.000 đồng, bị cáo T1 khai tham gia đánh bạc giao phôi số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại với bị cáo Y số tiền 5.071.250 đồng.

Như vậy, số tiền các bị cáo T, Y đánh bạc là 23.519.000 đồng; số tiền bị cáo P đánh bạc 8.400.000 đồng và số tiền bị cáo T1 đánh bạc 5.071.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo T còn khai nhận, tính đến ngày bị bắt, bị cáo đã bán số đề được khoảng 01 tháng, mỗi ngày thu lợi khoảng 250.000 đồng. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Văn T, Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Văn T, Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo. Sau khi án sơ thẩm tuyên, các bị cáo Trần Văn T, Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1 cùng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, xin được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo. Các bị cáo có cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới về nhân thân cũng như hoàn cảnh gia đình của các bị cáo. Trong đó, các bị cáo T, Y là vợ chồng, là lao động chính

trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đơn chiếc, có cha già yếu không tự chăm sóc cho bản thân được và hai con còn nhỏ. Trong giai đoạn chuẩn bị phúc thẩm vụ án, các bị cáo T, Y đã nộp lại toàn bộ số tiền đánh bạc. Gia đình của bị cáo T có nhiều người thân tham gia Cách mạng được tặng thưởng nhiều huân, huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng ba. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho các bị cáo. Xét thấy, bị cáo T là người khởi xướng và tuy vợ chồng bị cáo T, Y có vai trò chính trong vụ án nhưng với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cũng như hoàn cảnh gia đình của vợ chồng bị cáo. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và cho bị cáo Y được hưởng án treo.

Đối với các bị cáo Trúc P và Thanh T1, các bị cáo giữ vai trò thứ yếu trong vụ án. Bị cáo P có cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là ông, bà nội của bị cáo tham gia Cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba và huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi chồng bị bệnh, con còn nhỏ. Bị cáo T1 cũng là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đơn chiếc, mẹ chồng của bị cáo bị bệnh không tự chăm sóc cho bản thân được; bản thân bị cáo cũng bị bệnh co thắt giãn cơ nửa mặt, phải điều trị bệnh hàng ngày, các con của bị cáo đã trưởng thành đi làm ăn xa.

Các bị cáo Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1 đều có nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng và với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cũng như mối quan hệ giữa bị cáo Y và bị cáo T; xét thấy không cần phải cách ly các bị cáo Y, P và T1 ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa P nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cho các bị cáo rèn luyện, sửa chữa để trở thành người tốt, có ý thức chấp hành pháp luật.

Trong vụ án này, cấp sơ thẩm chưa xem xét về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự là có thiếu sót. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh gia đình của các bị cáo đều có khó khăn về kinh tế, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T, Y, P và T1.

4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo T, Y, P và T1 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T. Sửa phần quyết định của Bản

án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T.

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1. Sửa phần quyết định về hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Y, P và T1.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T (B), Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1 cùng phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Ngọc Y 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Trúc P 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Y, P, T1 cho Ủy ban nhân dân xã Long T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo Y, P, T1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-02-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn T (B), Ngô Ngọc Y, Trương Thị Trúc P và Nguyễn Thanh T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC-Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự (08 bản);
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- CQCSĐT CAH Hồng Ngự;
- Cơ quan THAHS CAH Hồng Ngự;
- Các bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã Long T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, HSVA (Nhật Minh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh